

Số: 50/2023/QĐST-HNGĐ

Kỳ Anh, ngày 22 tháng 09 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**; sinh ngày 10 tháng 10 năm 1990

Địa chỉ cư trú: **Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.**

Bị đơn: **Dương Văn G**; Sinh ngày 09 tháng 09 năm 1982

Địa chỉ cư trú: **Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 109, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 09 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 09 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị D** và anh **Dương Văn G**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu: **Dương Văn T** – Sinh ngày 19 tháng 10 năm 2008, **Dương Văn Đ** - Sinh ngày 21 tháng 09 năm 2012.

Giao hai con chung **Dương Văn T** và **Dương Văn Đ** cho anh **Dương Văn G** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. kể từ ngày quyết định ly hôn của

Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con của Tòa án.

Trong thời gian anh Dương Văn G trực tiếp nuôi hai con chung Dương Văn T và Dương Văn Đ, chị Nguyễn Thị D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh Dương Văn G mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Trường hợp chị Nguyễn Thị D chậm thực hiện nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh Dương Văn G thì chị Nguyễn Thị D phải chịu lãi đối với phần nghĩa vụ chậm thực hiện theo lãi suất 10%/năm.

Chị Nguyễn Thị D có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cấm và cản trở.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ C:* Không có nợ chung.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị D thỏa thuận nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí nuôi con theo luật định, nhưng Ric khEuu trồ vưo kho¶n tiOn t'm ơng ,n phY 300.000® (Ba trăm nghìn đồng) ®· nếp tại Chi cục T1 hnh ,n d©n sù huyÖn K, tỉnh Hà Tĩnh theo bi^n lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án sè 0005436 ngày 18/07/2023. Như vậy tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí nuôi con theo luật định chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự: Chị Diễm, anh Giang;
- VKS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKS nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Xuân Hoàng**